

KE GA

Nguyễn Xuân Quang.

Đầu năm con Rắn Ất Ty tính khai bút viết tiếp về Hai Bức Tượng Phật Đứng Khổng Lồ ở Bamiyan, Afghanistan nhưng một bác sĩ vừa chuyển vào diễn đàn Sinh Viên Quân Y bài viết: *Áp Đặt Ngôn Ngữ, Nguyễn Văn Tuấn, Danh từ ‘Ke Ga’* (<http://www.vanbutnamhoaky.com/index.php/van-h-u-club/1809-nguy-n-van-tu-n-ap-d-t-ngon-ng>) nên tạm gác đề tài trên, viết về chữ nghĩa cho hợp với khai bút đầu năm.

Tác giả Nguyễn Văn Tuấn viết: ‘Ke Ga’

Mới đây, bà con Sài Gòn kinh ngạc khi thấy danh từ ‘Ke Ga’ xuất hiện trong các nhà ga xe điện tuyến Metro 1 Sài Gòn – Thủ Đức. Ai cũng ngỡ ngác hỏi nhau ‘Ke Ga’ là gì. Nhà đầu tư giải thích rằng chữ này được du nhập từ miền Bắc: nó đã được dùng ở tuyến Metro Hà Nội và trong ngành ‘đường sắt’ hàng chục năm qua. Lại có người giải thích rằng danh từ này đã có trong luật đường sắt.

Nhưng tại sao ‘Ke’? Mấy người Tây học thời nay giải thích rằng chữ ‘Ke’ là xuất phát từ tiếng Pháp ‘Quai’ (tiếng Anh là ‘Quay’). Còn chữ ‘Ga’? À, chữ đó, họ giải thích là từ chữ ‘Gare’ trong tiếng Pháp. Nói cụ thể hơn, người ta dịch từ chữ ‘Quai de la Gare’ từ tiếng Pháp sang tiếng Việt là ‘Ke Ga’.

Danh từ ‘Ke Ga’ đang làm cho bà con Sài Gòn ngỡ ngác hỏi nhau nó là cái gì???

Tuy nhiên, vấn đề ở đây là người ta (chủ đầu tư) viết phụ chú bằng tiếng Anh là ‘Platform’ dưới danh từ ‘Ke Ga’... chữ Platform, một cách đơn giản, có nghĩa là bến xe điện, là nơi mà hành khách lên xuống. Tiếng Việt tương đương với chữ Platform là ‘Sân Ga’ hay ‘Thềm Ga’. Tại sao người ta không viết “Thềm Ga / Platform” cho dễ hiểu?

Người ta giải thích rằng danh từ ‘Ke Ga’ có trong Từ điển Tiếng Việt của tác giả Hoàng Phê (một học giả có uy tín ở trong nước), thế nhưng chính cuốn từ điển đó cũng có danh từ ‘Sân Ga’. Họ giải thích thiếu tính thuyết phục.

Càng thiếu thuyết phục hơn khi chữ ‘Ke’ / Quai có nghĩa là ‘Đường dọc theo bờ sông. Thềm trước sân ga hay dựa bến tàu dành cho khách đến đợi rước người nhà hoặc khách đi tàu đợi lúc tàu sắp đến’ (Từ điển Các từ Tiếng Việt gốc Pháp do Nguyễn Quảng Tuân – Nguyễn Đức Dân biên soạn). Nói cách khác, Ke / Quai thường dùng cho bến tàu, không phải bến xe điện.

.....

Sự thật ra sao?

Xin góp ý với cái nhìn theo từ nguyên ngữ của hai từ ke và ga này dựa theo Từ Điển Từ Nguyên Đối Chiếu Việt Anh/Ấn Âu Ngữ của tôi.

A. Ke

phiên âm Pháp ngữ quai:

1. nền xây cao bên cạnh đường sắt ở ga, để hành khách tiện lên xuống xe lửa hoặc chất dỡ hàng hóa. Đứng đón thân nhân. Đồng nghĩa với sân ga, cũng nói là **ke ga**.

2. bến cảng nói trại thành kè, nghĩa rộng: đường chây sát ven sông: Ke Ben-gích (Quai de Belgique) nay là Bến Chương Dương (Lê Ngọc Trụ, Tầm Nguyên Tự Điển Việt Nam, Nxb TPHCM, 1993).

Như thế nhà thơ viết Ke-ga Thủ Đức không phải là không có căn cứ. Tác giả Nguyễn Văn Tuấn cho rằng từ Ke Ga du nhập từ Miền Bắc. Ta thấy tác giả Lê Ngọc Trụ là người miền Nam cũng nói ke ga không phân biệt Bắc Nam. Ke ga dù gì cũng là một từ dùng chung cho cả hai miền.

Tuy nhiên cội nguồn tận cùng của ke là gì?

Quai /Ke/ biến âm mẹ con với Việt ngữ:

1. ke: Cổ ngữ Việt ke có một nghĩa chỉ bộ phận sinh dục nam (Từ Điển Việt Bồ La, Alexandre de Rhodes). Ke = que (cọc = cựa = cựa) = nõ.

2. que.

3. kè: que thẳng dùng làm thước (thước kè).

4. kè: a. cọc cắm ở bờ nước: đóng kè (về sau đá đổ ở bờ nước: đắp, đổ kè đá, b. kè (palm) là loài cây thân như cây que, cây cột, cây trụ, cây cọc không có cành nhánh.

5. cừ 渠 biến âm mẹ con với kè (4): a. kênh, ngòi, b. cây, cọc, nọc, cột; trâm cừ: cây nọc dùng đóng ở bờ nước giữ cho đất chắc (đóng cừ).

Như vậy quai là ke, que, kè, kè, cừ, (cọc, cột) đóng ở bờ nước, về sau dùng cột thuyền bè rồi trở thành bến nước.

Hòn đảo nhỏ dùng chõ đậu, neo tàu thuyền có cùng nghĩa với bến nước quai. Ví dụ Anh ngữ cay: đảo cát hay san hô thấp, Pháp ngữ cổ *kai* cồn cát, Tây Ban Nha ngữ cayo, phát âm là /ki/, có gốc từ Taino (Arawakan) ngữ cayo, đảo nhỏ như Coco Cay ở Caribe, Bora Cay ở Phi Luật Tân.



Bora Cay, Philippine (ảnh của tác giả).

~ Anh ngữ: 1. quay /ki/, bến tàu ruột thịt với Pháp ngữ *kai*, quai, 2. key /ki/, đảo nhỏ, bến tàu như Key West ở Florida ruột thịt với quay /ki/, có cùng nghĩa.

Như vậy ke phiên âm Pháp ngữ quai có nguyên nghĩa chính là Việt ngữ ke, kè, cù (cột, trụ, cọc) cắm ở bờ nước dùng cột thuyền rồi trở thành bến tàu thuyền, trở thành một ke (que), một kè, một quai, một quay, một cay, một key (quay, cay, key đều phát âm là /ki/)...

Lưu ý: ở đây một lần nữa cho thấy Việt ngữ có thể soi sáng hay giải nghĩa từ nguyên của các từ Anh/Ấn-Âu ngữ.

B. Ga.

Nghĩa hiện kim: trạm xe lửa, nhà ga, sân ga.

~ phiên âm Pháp ngữ gare, trạm xe lửa (The French word gare is a noun that means “train station”). Phát xuất từ động từ garer, nghĩa là “to shelter”, che, che chở hay “to dock ships” (đậu tàu vào bến, vào ụ tàu).

Nguồn gốc: từ gare có từ thế kỷ 17 là từ dùng chỉ bến sông, giang cảng hay cầu tàu. Nguồn gốc liên hệ với sông nước, tàu thuyền mang âm tính (nước có một khuôn mặt thái âm) này thấy rõ qua từ gare có giống cái: la gare. Sau trở thành từ chỉ trạm xe lửa vào thế kỷ 19 (Origin: The word gare originated in the 17th century as a term for a river port or pier. It became the word for “train station” in the 19th century)

[\(Etymonline – Online Etymology Dictionary\).](#)

Tại sao gare lại có nguồn gốc là một bến nước?

Qua từ quai đã nói ở trên ta đã biết bến nước có gốc nghĩa là ke, kè, cù, cột đóng ở bờ nước như thế gare cũng phải có một nghĩa như thế.

Ta thấy gare:

~ Anh ngữ *gare, gore* “a spear,” giáo, thương, lao, Cổ ngữ Anh *gar* “spear,” Đức ngữ *ger* “spear”.

~ Việt ngữ *gã* (dũa, thẳng) ~ Pháp ngữ *garçon*, con trai. *Gã*, *garçon* có *gar-*, có *gare*, có *gạc*, có *giáo*, có *gươm* (‘gươm lặt giữa rừng hoa’). *Gã*, *garçon* có *ger* có *ke*, có *que*, có *cọc*, có *cặc*,

~ gốc tái tạo PIE **ghaiso-* “a stick, gậy, spear”.

~ Mường ngữ *cà* là *gà*.

Cà có một nghĩa là *cây*, *cọc* biến âm với *ki* là *cây* (Kanji Nhật ngữ *ki* 木 chính là Hán Việt *mộc*: *cây*). *Cà* có nghĩa là *que*, *cây* như thấy qua từ *cà kheo* hay *cà khêu*. *Kheo*, *khêu* là biến âm của *cao* như *cao lêu khêu*. Với *h* *câm*, *khêu* = *kêu* = *kêu* = *cao*. Qua từ *đôi cao kêu* ta có *cao* = *kêu* = *khêu*. *Đi cà kheo* là *đi bằng hai cây gậy*, *cây nọc cao lêu khêu*. Huỳnh Tịnh Paulus Của trong Đại Nam Quốc Âm Tự Vị: ‘*đi cà khêu: dùng hai cây tre nhỏ tra cây ngang, kèm hai ngón chơn mà đi. Chính tiếng là cần khêu*’. Ta thấy *cần* là khúc *cây* như *cần câu*. *Cần* mang hình ảnh *cọc*, nỡ thấy rõ qua câu đố:

Bốn cô trong động bước ra,

Đồ để trắng hếu như hoa bông cần,

Ông đồ tấn ngắn tần ngắn,

Buổi ông căng tếu như cần câu rô.

(câu đố: bộ ấm trà có bốn chén và một ấm).

Cần khêu là khúc cây cao. Như vậy cà là giản lược của cần. Con cà là con cần, con cây, con ki, con kê. Cà là con cành, con can (Hán Việt: gậy), con canne (Pháp ngữ: gậy), con cane (Anh ngữ: gậy, cây: sugar cane, cây mía).

~ gà:

Gà = cà (g = c : gài = cài).

Suy ra gà cũng có nghĩa là cây. Gà ruột thịt với gậy. Ta có từ đôi đồng nghĩa gà què → gà = què = que (gậy).

Què nói trại của que. Con gà (hàm ý chỉ gà trống đại diện cho cả họ nhà gà) là con què, con ké (trói thúc ké là trói ghịt cánh gà), con ke, con que. Hán Việt kê là con ke, ké, què, que ruột thịt với Mường ngữ cà: chuyện cà kê.

Que là cọc, với nghĩa này ~ Anh ngữ cock, Pháp ngữ coq có một nghĩa là chim đực, chim nọc và cũng có nghĩa là cọc, cước, cặc (nõ, dương vật).

Mách què là nói que, nói ke, nói cọc, nói cước, nói cặc.

.....

Tóm lại rõ như ban ngày gare có một nghĩa gốc là cọc, cột, ke, kè, kê, cừ đóng ở một bờ nước dùng cột thuyền rồi trở thành bến tàu thuyền (giống như quai).

Tác giả Nguyễn Văn Tuấn cho biết ở Việt Nam cũng dùng từ “Ga Tàu Thủy” như “Ga Tàu Thủy Bạch Đằng” ở bến Bạch Đằng Saigon khiến người Saigon “sôi sục với cái kiểu định danh lạ lùng đó”. Ta thấy dùng ga tàu thủy là dựa vào nghĩa cổ của từ ga.

Cũng xin nói thêm là gare đề ra Pháp ngữ *garage* “shelter for a vehicle”: chỗ che chở, nhà để xe và cũng dùng với nghĩa rộng là chỗ chứa một thứ gì. Động từ Pháp ngữ *garir* “take care of, chăm nom, protect, bảo vệ; save, cứu giúp, rescue, cứu nguy”, phát gốc từ Frankish **waron* “to guard”, canh chừng, gìn giữ, bảo vệ, gốc tái tạo PIE **wer-*, “to cover”, bao che, che chở. Ta cũng thấy **wer-* = Hán Việt vệ (bảo vệ, phòng vệ, tự vệ) và theo w = v = b: *wer-* = vệ = bảo = bảo vệ.

Cũng xin nói thêm ra ngoài một chút cho ‘hết ý’ của từ vệ, bảo, của từ **wer-* là hiện nay ở Việt Nam dùng từ “mũ bảo hiểm” mà nhiều tác giả hải ngoại cho là “từ Việt Cộng” (khác với từ bảo hiểm với nghĩa bảo kê, insurance của Việt Quốc Gia). Thật ra đây là một “tật” của các nhà tạo chữ mới ở trong nước có thói quen nói tắt, nói gọn lại để tạo ra từ mới, đôi khi trùng hợp với những từ cũ có một nghĩa khác, thấy ngây ngô, ngố và gây ra hiểm nhảm. Ví dụ như (mũ) bảo hiểm trùng với từ cũ (mua) bảo hiểm của Miền Nam trước đây. Mũ bảo hiểm do cắt bỏ đuôi “vệ” của từ bảo (-vệ) + cắt bỏ đầu “nguy” của từ (-nguy) hiểm: mũ bảo hiểm là mũ bảo vệ nguy hiểm (phòng vệ chấn thương sọ não). Bảo hiểm với hai nghĩa bảo vệ (mũ), bao che (insurance) đều cùng có gốc bảo, vệ, **wer-*, protection, cover...

Tiếp đến ga với nghĩa trạm, bến có cùng nghĩa với Anh ngữ station. Cuối thế kỷ 13 stacioun, chỗ một người ở, nơi cư ngụ, Cổ ngữ Pháp *stacion, estacion*: “site, location; stop, standstill,” (nơi, chỗ, ngừng, đứng yên tại chỗ) phát gốc từ Latin *stationem* “a standing, đứng, a post,

trụ; anchorage, thả neo, port, bến, cảng” (ở đây cho thấy rõ bến tàu thuyền nguyên thủy là một cây trụ, cột, cây kè đóng bên bờ nước dùng cột thuyền cũng là một station).

Station liên hệ với *stare* “to stand,” đứng có gốc tái tạo PIE *sta- “to stand, đứng” (sta- ~ Việt ngữ thẳng, thẳng đứng).

~ Phạm ngữ sthá, sthal, đứng, gốc Phạm ngữ sthá, sta, đứng, stak, stag, đứng vững.

Trong nước dùng từ ga cho “Ga Hàng Không Trong Nước”.



Ảnh: Báo Bảo Vệ Pháp Luật (nguồn đã dẫn).

với nghĩa là Domestic Terminal. Domestic: làm trong nhà, tại gia, Latin domus, nhà, gốc tái tạo PIE *dom-o-, nhà, phát gốc từ *dem-, nhà, việc nhà.

Dùng rộng ra chỉ ‘trong nước’, ‘nội địa’ (vì nước ruột thịt với nhà thấy qua từ đôi ‘nước nhà’, ‘quốc gia’).

Terminal có nghĩa đen là chỗ đến cuối cùng, ga chót.

Tác giả Nguyễn Văn Tuấn cho rằng ‘Ga thường dùng cho nhà ga xe lửa chứ có ai dùng cho cảng hàng không bao giờ’. Điều này đúng. Nhưng nói thêm tại sao không nói là ‘ga hàng không – domestic terminal’ là ‘phi cảng nội địa’, thì cần xét lại vì phi cảng airport có nhiều terminal.

Tóm Lược

Tóm lại rõ như ban ngày Pháp ngữ quai, gare có một nghĩa gốc là cọc, cột, kè (cột, cây, que: thước kẻ) dùng:

1. chỗ cột thuyền rồi trở thành bến nước, bến tàu thuyền, thành một kè, một quai, một quay, một cay (Coco Cay), một Key (Key West ở Florida)...
2. chỗ cột ngựa thời chưa có xe lửa thành trạm xe ngựa.
3. tới thời có xe lửa thành ga xe lửa.
4. tới thời có máy bay cũng có thể là một thứ cảng (port): phi cảng.

Giới hữu trách Việt Nam dùng từ ke, ga cho thêm xe điện ngầm (và cho cả terminal hàng không) nghĩ cho cùng cũng không phải không có căn cứ. Tuy nhiên ke/quai và ga/gare nguyên thủy có nghĩa là cọc, trụ cột thuyền, bến nước, bến tàu nhưng nghĩa hiện kim của ga/gare dùng nhiều chỉ trạm tàu hỏa, xe lửa. Vì thế dùng ke ga có hai khiếm khuyết là: 1. dùng phiên âm tiếng Pháp cho thấy Việt Nam chưa phải là một nước độc lập, 2. dùng cho ‘Ga tàu thủy’,

‘Ga hàng không’ là dùng từ ga với nghĩa cổ lỗ sĩ, là tụt hậu, là chậm tiến, lỗi thời, không cập nhật hóa...

Dùng Ke Ga với phụ chú ‘platform’ dưới danh từ ‘Ke Ga’ thì Anh ngữ platform có một nghĩa là ‘một cấu trúc với mặt bằng dọc theo đường tàu ở trạm, ga cho hành khách lên xuống hay bốc dỡ hàng hóa’ thì hãy nên dùng từ thuần Việt phổ thông là **thềm ga** (đồng ý với tác giả Nguyễn Văn Tuấn). Từ thềm ga hoàn hảo hơn là sàn hay sân ga. Thềm hàm nghĩa bậc bước lên bước xuống, bước vào bước ra như bậc thềm nhà: Hoa Soan Bên Thềm Cũ (nhạc Tuấn Khanh).

Đề nghị nên viết tắt bảng như sau:

1. Nếu dùng với nghĩa Anh ngữ platform:

Thềm Ga.

Platform.

2. Nếu dùng theo nghĩa station:

Trạm

Station.

3. Nếu dùng theo nghĩa terminal:

Bến

Terminal.

(với nghĩa bao gồm chỗ đến, ga chót, ga cuối cùng và khởi hành, đi). Bến terminal gồm cả nội địa và thế giới.

Ngôn ngữ phản ánh văn hóa, dân trí của một dân tộc. Ngôn ngữ là một sinh ngữ biến đổi theo thời gian, ta phải sống cập nhật với ngôn ngữ đương thời.

Nên sửa đổi lại cho xứng đáng Việt Nam là một nước tiến bộ./.

Nguyễn Xuân Quang

Xuân Ất Tỵ 2025.

Nguồn: <https://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/2025/02/07/ke-ga/>

Kính mời đọc thêm bài khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/nguyenxuanquang.html>

www.vietnamvanhien.net



VIỆT NAM VĂN HIẾN
www.vietnamvanhien.info

TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MẠNG VỚI HƠN 12200 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC